

LUẬN A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ

QUYỂN 11

Phẩm 3: PHÂN BIỆT THẾ GIỚI (PHẦN 4)

Phần trước đã giải thích xong thế giới hữu tình, phần này sẽ giải thích về thế giới hội tập (khí thể gian).

Tụng nói: (Âm Hán)

*An lập khí thể gian
Phong luân tối cư hạ
Kỳ lượng quảng vô số
Hậu thập lục lạc xoa
Thứ thượng thủy luân thâm
Thập nhất ức nhị vạn
Hạ bát lạc xoa thủy
Dư ngưng kết thành kim
Thử thủy kim luân quảng
Kính thập nhị lạc xoa
Tam thiên tứ bách bán
Chu vi thử tam bội.*

Dịch nghĩa:

*Lập thành khí thể gian
Phong luân ở dưới cùng.
Bề rộng rộng vô số
Dày mười sáu lạc-xoa.
Bên trên là thủy luân,
Mười một ức hai vạn
Dưới nước tám lạc-xoa
Còn lại kết thành kim
Thủy luân và Kim luân
Rộng mười hai lạc-xoa*

*Ba ngàn bốn trăm rưỡi,
Chu vi gấp ba lần.*

(Lập thành khí thể gian: Phong luân ở dưới cùng, bề rộng không đo được. Bề cao mười sáu ỨC. Bên trên là thủy luân cao mười một ỨC hai vạn. Phần nước ở dưới sâu tám ỨC. Phần còn lại ngưng kết thành vàng. Thủy luân và kim luân có đường kính mười hai ỨC. Ba ngàn bốn trăm năm mươi. Chu vi gấp ba lần).

Luận: Chấp nhận cho Tam thiên đại thiên thể giới đã được lập thành như thế, và có hình dạng kích cỡ không giống nhau. Trước tiên, do nghiệp lực tăng thượng của chúng sinh, mà phong luân đã nương vào hư không, để sinh khởi ở tầng thấp nhất. Bề dày của phong luân là mười sáu ỨC (lạc-xoa), tức một triệu sáu trăm ngàn du-thiện-na, bề rộng của nó không thể đo lường được. Thể của nó thuộc chất rắn. Giả như có một Đại nặc-kiện-na, dùng kim cương ném vào nó thì kim cương sẽ bị vỡ tan, mà phong luân vẫn không tổn hoại gì.

Cũng chính vì nghiệp lực tăng thượng của hữu tình, mà từng khối tuyết và một trận mưa với những hạt lớn như gọng xe, đã rơi xuống bề mặt của phong luân. Lượng nước này tạo thành thủy luân, sâu một triệu mười một ỨC hai vạn du-thiện-na.

Hỏi: Tại sao lượng nước này không bị tràn ra ngoài?

Đáp: Có luận sư nói, nước đã được giữ lại, nhờ có nghiệp lực của chúng sinh, cũng giống như các thứ ăn uống không chảy ngay xuống ruột, trước khi được tiêu hóa. Có luận sư khác cho là nước được giữ lại nhờ gió, cũng giống như lúa ở trong giỏ.

Sau đó, vì được tác động vì một loại gió, do nghiệp kích khởi, nên phần trên của nước kết tinh thành vàng, cũng giống như sữa khi được đun nóng, lớp trên mặt đóng thành màng (váng). Do đó, thủy luân chỉ còn cao tám lạc-xoa. Phần đất bằng vàng ở trên, dày ba ỨC hai vạn.

Thủy luân và kim luân có bề rộng bằng nhau, đường kính mười hai ỨC ba ngàn bốn trăm năm mươi, và chu vi rộng gấp ba lần số này, tức ba mươi sáu ỨC một vạn ba trăm năm mươi du-thiện-na.

Tụng: (Âm Hán)

*Tô mê lư xú trung
Thứ Du kiện đạt la
Y sa đà la sơn
Kiện địa lạc ca sơn
Tô đạt lệ xá na
Ách thấp phược yết nỗ*

*Tỳ na đất ca sơn
Ni dân đạt la sơn
Ư đại châu đẳng ngoại
Hữu Thiết luân vi sơn
Tiền thất kim sở thành
Tô mê lư tứ bảo
Nhập thủy giai bát vạn
Diệu cao xuất diệc nhiên
Dư bát bán bán hạ
Quảng giai đẳng cao lượng.*

Dịch nghĩa :

*Tô-mê-lô ở giữa
Tiếp Du-kiện-đạt-la,
Núi Y-sa-đà-la,
Núi Kiện-địa-lạc-ca,
Tô-đạt-lị-xá-na,
Ách-thấp-phước-yết-nỗ,
Núi Tỳ-na-đất-ca,
Núi Ni-dân-đạt-la.
Bên ngoài các đại châu
Có núi Thiết luân vi
Bảy núi trước: Kim loại.
Tô-mê-lô: tứ bảo.
Dưới nước đều tám vạn
Diệu cao cũng như thế.
Tám núi khác thấp dần
Cao rộng đều bằng nhau.*

Có các núi Tô-mê-lô rồi đến núi Du-kiện-đạt-la, núi Y-sa-đà-la, núi Kiện-địa-lạc-ca, núi Tô-đạt-lị-xá-na, núi Ách-thấp-phước-yết-nỗ, núi Tỳ-na-đất-ca, núi Ni-dân-đạt-la. Bên ngoài các đại châu. Có núi Thiết luân vi. Núi Tô-mê-lô có bốn mặt bằng châu báu. Phần nằm dưới nước của chín ngọn núi là tám vạn. Phần nổi của núi Diệu cao cũng chừng đó. Tám dãy kia cứ thấp dần một nửa. Và có chiều rộng giống như chiều cao.

Luận: Ở Kim luân có chín ngọn núi lớn. Ở giữa là núi Diệu cao, vây quanh là tám ngọn núi khác đồng tâm với núi này, dãy (Ni-dân-đạt-la) tạo thành một vòng bánh xe bao bọc núi Tô-mê-lô và bảy ngọn núi ở bên trong, và vì thế mới có tên như vậy. Bên ngoài dãy Ni-dân-đạt-la

là các đại châu. Bao bọc tất cả các dãy núi và đại châu này là dãy Thiết luân vi, sở dĩ có tên như vậy là vì nó vây quanh các đại châu và tạo cho thế giới hình dạng của một bánh xe. Dãy (Du-kiền-đạt-la và sáu dãy bao quanh nó đều bằng vàng, dãy Thiết luân vi bằng sắt. Mặt phía Bắc của ngọn Diệu cao bằng vàng, phía Đông bằng bạc, phía Nam bằng lưu ly, phía Tây bằng pha lê, vì thế khoảng không gian đối xứng với các mặt, đều có màu sắc riêng, tùy theo thành phần cấu tạo riêng của bốn mặt núi. Mặt trước của ngọn Diệu cao, hướng về châu Thiêm-bộ và được ngọc lưu ly cấu thành, cho nên khi nhìn lên trời chúng ta thấy có màu sắc của ngọc lưu ly.

Hỏi: Do đâu mà có các chất cấu tạo khác nhau của núi?

Đáp: Lượng nước rơi xuống Kim luân có nhiều uy đức khác nhau, dưới ảnh hưởng của những loại gió, có nhiều hiệu năng khác nhau, lượng nước này đã biến dạng và chuyển thành các chất báu. Chính vì sự biến dạng như thế, nên nước là nhân, mà các thứ châu báu là quả của nhân này, chứ không phải là một hành động xảy ra cùng thời, và hoàn toàn khác với chủ trương chuyển biến của Số luận.

Hỏi: Chủ trương chuyển biến của Số luận là gì?

Đáp: Số luận chủ trương, ở trong một Hữu pháp với tự tánh thường tồn, có các pháp sinh khởi và biến mất. Tại sao chủ trương như thế là phi lý? Vì không thể thừa nhận, một mặt là Hữu pháp thường tồn, một mặt lại là các pháp sinh diệt ! Tuy nhiên, số luận không cho là có một Hữu pháp nằm ngoài các pháp, họ nói: Một pháp khi chuyển biến, sẽ trở thành chỗ dựa của các tính chất khác nhau, vì thế pháp này mới có tên là hữu pháp, nói cách khác, sự chuyển biến này chỉ là sự biến dạng của hữu pháp. Nhưng nói như vậy, thì không thể nào chấp nhận được, vì ở đây có sự mâu thuẫn về cách dùng từ: Họ thừa nhận cái kia (nhân) là cái này (quả), nhưng lại nói cái này không giống như cái kia!

Vàng, bạc, các chất báu và đất được cấu tạo như vậy, đã kết tụ lại nhờ các thứ gió, do nghiệp lực tạo ta, và chúng đã tạo thành núi cũng như các đại châu.

Như vậy, tất cả các ngọn núi ở Kim luân đều có phần dưới, nằm chìm dưới nước tám mươi ngàn du-thiện-na. Phần trời lên của núi Tô-mê-lô cũng cao bằng số đó, như vậy, toàn bộ núi Tô-mê-lô cao một trăm sáu mươi ngàn du-thiện-na. Phần trời lên của núi Trì Song là bốn mươi ngàn du-thiện-na, và tiếp tục như vậy cho đến núi Thiết-luân-vi là ba trăm mười hai nghìn du-thiện-na. Càng nổi cao trên mặt nước bao nhiêu, thì chúng càng rộng lớn bấy nhiêu.

Tụng nói: (Âm Hán)

*Sơn gian hữu bát hải
Tiền thất danh vi nội
Tối sơ quảng bát vạn
Tứ biên các tam bộ
Dư lục bán bán hiệp
Đệ bát danh vi ngoại
Tam lạc xoa nhị vạn
Nhị thiên du thiện na.*

Dịch nghĩa :

*Trong núi có tám biển
Bảy trước gọi là trong
Đầu tiên rộng tám vạn
Bốn bên đều gấp ba.
Còn sáu cứ hẹp dần.
Biển thứ tám là ngoài
Ba lạc-xoa hai vạn
Hai ngàn du-thiện-na.*

(Giữa các dãy núi có tám biển. Bảy biển đầu gọi là “bên trong”. Biển thứ nhất rộng tám vạn. Ở ngoại vi rộng gấp ba lần. Sáu biển còn lại cứ hẹp dần một nửa. Biển thứ tám gọi là “bên ngoài”. Rộng ba ức hai vạn hai ngàn du thiện na).

Luận: Từ Diệu Cao cho đến cuối cùng là Thiết luân vi có tám biển. Bảy biển đầu tiên gọi là nội trong đá công đức: ngọt, mát, ngon, nhẹ, trong, không có mùi hôi, không làm rát cổ, không đau bụng.

Biển thứ nhất, nằm giữa núi Diệu cao và Trì Song, rộng tám mươi ngàn du-thiện-na, ở vùng ngoại biên, tức tiếp giáp với núi Trì Song, lại rộng gấp ba lần, tức là hai trăm bốn mươi ngàn du-thiện-na.

Bề rộng của các biển còn lại, cứ giảm dần một nửa. Biển thứ nhì, rộng bốn mươi ngàn du-thiện-na, và cứ như vậy, cho đến biển thứ bảy rộng một ngàn hai trăm năm mươi du-thiện-na. Ở đây không tính đến vùng ngoại biên, vì quá phiền phức. Bảy biển này là các biển bên trong. Biển còn lại, được gọi là biển lớn bên ngoài. Biển này đầy nước vì rộng ba ức hai vạn hai ngàn du-thiện-na.

Tụng nói: (Âm Hán)

*Ư trung đại châu tướng
Nam thiệp bộ như xa
Tam biên các nhị thiên*

*Nam biên hữu tam bán
Đông Tỳ đề ha châu
Kỳ tướng như bán nguyệt
Tam biên như Thiệm bộ
Đông biên tam bách bán
Tây Cù đà ni châu
Kỳ tướng viên vô khuyết
Kính nhị thiên ngũ bách
Chu vi thử tam bội
Bắc Câu lư trắc phương
Diện các nhị thiên đẳng
Trung châu phục hữu bát
Tứ châu biên các nhị.*

Dịch nghĩa :

*Trong có các đại châu.
Nam Thiệm-bộ như xe,
Ba mặt rộng hai ngàn,
Mặt Nam: ba ngàn rưỡi
Đông là Tì-đề-ha,
Hình dáng như bán nguyệt
Ba mặt như Thiệm-bộ
Mặt Đông: ba trăm rưỡi.
Tây là Cù-đà-ni
Hình dáng tròn vành vạnh.
Đường kính hai ngàn rưỡi
Chu vi gấp ba lần.
Bắc Câu-lô hình vuông
Mỗi mặt đều hai ngàn.
Giữa lại có tám châu,
Mỗi đại châu có hai.*

(Trong đó có các đại châu: Nam-thiệm-bộ giống như chiếc xe. Ba mặt mỗi mặt rộng hai ngàn Du-thiện-na. Mặt nam rộng ba du thiện na rưỡi Tì-đề-ha-châu có hình bán nguyệt. Ba mặt rộng như Thiệm-bộ. Mặt đông rộng ba trăm năm mươi. Mặt Tây là Cù-đà-ni có hình tròn. Đường kính hai ngàn năm trăm. Chu vi gấp ba lần. Mặt Bắc-câu-lô hình vuông, mỗi mặt đều rộng hai ngàn . Lại có tám châu ở giữa, cứ hai châu nằm kề bốn châu trên).

Luận: Nằm ở biển ngoài, đối xứng với bốn mặt của núi Diệu cao,

là bốn đại châu:

1. Châu Nam thiêm bộ: Có ba mặt đều rộng hai ngàn du-thiện-na và một mặt rộng ba phẩy năm, vì thế có hình như chiếc xe. Ở giữa, có tòa Kim cang nằm trên Kim luân, là nơi Bồ-tát tọa, khởi Kinh cang dụ định, để trở thành A-la-hán và Phật, vì không có chỗ nào khác, không có người nào khác, đủ năng lực trì giữ loại định này của Bồ-tát.

2. Châu Đông-thắng-thân: Có hình bán nguyệt, ba mặt rộng hai ngàn giống như kích cỡ của Nam thiêm bộ châu, mặt còn lại rộng ba trăm năm mươi.

3. Châu Tây-ngưu-hóa): Hướng về mặt phía đông của ngọn Diệu cao, có hình tròn như mặt trăng, chu vi rộng bảy ngàn năm trăm, đường kính dài hai ngàn năm trăm.

4. Châu Bắc câu lư: Đối diện mặt phía bắc của ngọn Diệu cao, có hình vuông, giống như chỗ ngồi, mỗi mặt đều rộng Đề-ha hai ngàn, tạo thành một chu vi dài tám ngàn. Khi nói “đẳng” (đều) là chỉ cho bốn mặt của châu này đều như nhau.

Hình dạng của các đại châu như thế nào, thì khuôn mặt chúng sinh cư ngụ ở đó, cũng giống như vậy.

Ngoài ra còn có thêm tám châu lục có kích cỡ trung bình (trung châu). Các châu này mang tên của chúng sinh cư ngụ ở đó. Hai châu Già-mạt-la) và Phiệt-la-già-mạt-la) nằm cạnh Nam-thiêm-bộ, Đề ha và Tỳ-đề-ha) nằm cạnh Thắng thân châu, Xá-suy và Ốt-đát-la-mạn-đát- lý-nỗ) nằm cạnh Ngưu hóa châu, Cự-lạp-ba) và Kiêu-thập-bà) nằm cạnh Câu-lô-châu.

Tất cả các châu này, đều là nơi cư ngụ của loài người. Tuy nhiên có thuyết nói một trong số các châu này, là nơi ở của loài La-sát-bà .

Tụng nói: (Âm Hán)

*Thử bắc cửu Hắc sơn
Tuyết hương túy sơn nội
Vô nhiệt trì tung quảng
Ngũ thập du thiện na.*

Dịch nghĩa :

*Phía Bắc chín Hắc sơn
Trong núi Tuyết Hương Túy
Có hồ Vô Nhiệt rộng
Năm mươi du-thiện-na.*

(Phía Bắc chín ngọn Hắc sơn là Hương túy sơn, ở đó có hồ Vô nhiệt, rộng năm mươi du-thiện-na).

Luận: Ở châu Nam-thiệm-bộ, khi đi về phía bắc, sẽ gặp ba ngọn Hắc sơn, (sở dĩ có tên như vậy vì, tiếp theo là ba ngọn Hắc sơn khác, rồi đến ba ngọn Hắc sơn khác nữa, và cuối cùng là ngọn Đại tuyết sơn.

Xa hơn nữa về phía bắc là ngọn Hương túy sơn. Giữa Tuyết sơn, Hương sơn có một ao lớn gọi là ao Vô nhiệt nào là nơi phát xuất bốn con sông lớn: Sông Gangà (Khắc già), sông Sindhu (Tín độ), sông Sità (Đồ đa), sông Vakṣu (Phước sô).

Ao này rộng và sâu năm mươi du-thiện-na, chứa đầy nước có tám tính chất (giống như đã nói ở trên). Chỉ những người có thần thông, mới có thể đến được nơi này. Cạnh ao là cây Thiệm bộ lâm hình dáng cao lớn quả vị ngon ngọt. Đại châu của chúng ta mang tên Thiệm-bộ, chính là lấy tên của cây hoặc quả của loại cây này.

Hỏi: Các loại địa ngục nằm ở đâu, có kích cỡ như thế nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Thử hạ quá nhị vạn
Vô gián thâm quảng đồng
Thượng thất nại lạc ca
Bát tăng giai thập lục
Vị đường ổi thi phần
Phong nhãn liệt hà tăng
Các trụ bử tứ phương
Dư bát hàn địa ngục.*

Dịch nghĩa :

*Dưới đây quá hai vạn
Vô gián rộng bằng sâu
Trên bảy nại-lạc-ca.
Tám đều thêm mười sáu.
Là tro nóng phân bùn
Thêm dao nhọn sông sôi
Đều ở cả bốn mặt.
Còn tám địa ngục lạnh.*

(Bên dưới châu này hai vạn là địa ngục Vô gián, sâu và rộng bằng nhau. Bên trên là bảy địa ngục khác. Tám địa ngục này đều có mười sáu điểm “gia tăng” là tro nóng, phân bùn dao nhọn, sông sôi ở cả bốn mặt. Số còn lại là tám địa ngục cực lạnh).

Luận: Cách hai mươi ngàn du-thiện-na, bên dưới châu Thiệm-bộ, là đại địa ngục Vô gián (A tỳ chỉ đại nại lạc-ca). Địa ngục này đều có chiều cao và chiều rộng là hai mươi ngàn du-thiện-na, như vậy đáy của

nó cách bề mặt của châu Thiệm-bộ là bốn mươi ngàn du-thiện-na.

Hỏi: Tại sao địa ngục này có tên là vô gián?

Đáp: Có hai giải thích: 1. Ở địa ngục này không có sự gián đoạn của khổ, trong khi ở các địa ngục khác, khổ có thể bị gián đoạn. Như ở địa ngục Đẳng hoạt, thân thể chúng sinh tuy bị làm cho nát tan thành bụi, nhưng sau đó khi gặp luồng gió lạnh thổi tới, thì lại hồi sinh, từ đó mới có tên là Đẳng hoạt; 2. Ở địa ngục này không hề có lạc thọ làm gián đoạn khổ. Ở các địa ngục khác, tuy không có lạc thọ thuộc dị thực sinh, nhưng người ta cho là vẫn có loại lạc thọ đẳng lưu.

Phía trên địa ngục Vô gián là bảy địa ngục khác chồng chất lên nhau. Tính từ dưới lên là địa ngục Cực nhiệt, Viêm nhiệt, Đại khiếu, Hào khiếu, Chúng hợp, Hắc thăng, và Đẳng hoạt. Có thuyết cho bảy địa ngục này, nằm ngang với địa ngục Vô gián.

Mỗi một trong tám địa ngục, đều có mười sáu loại “gia tăng”. Điều này xuất phát từ một lời dạy của Đức Thế Tôn: “Tám loại địa ngục mà ta đã trình bày thì rất khó ra khỏi, chứa đầy các chúng sinh làm ác, và mỗi loại đều có mười sáu thứ “gia tăng”, chúng có bốn bức tường, bốn cửa ra vào, chúng có bề rộng cũng giống như bề dài, chúng có các bức tường sắt bao quanh, nền của chúng cũng bằng sắt, đất cũng bằng sắt cháy sáng, ngập đầy lửa ngọn dài đến hàng trăm du-thiện-na”.

Hỏi: Mười sáu loại “gia tăng” là gì?

Đáp: Ở mỗi cửa ra vào của các địa ngục này đều có:

1. Một lò tro nóng, sâu đến đầu gối. Khi chúng sinh đặt chân vào đó thì da, thịt và máu đều bị cháy tiêu, cho đến khi nào thoát ra mới được phục hồi như cũ.

2. Một đồng phân bùn, trong đó có một loài trùng nước tên là “Mõm nhọn”, thân trắng đầu đen, khi có chúng sinh nào sa vào đó, thì chúng đâm vào thấu xương.

3. Một con đường lớn cắm đầy lưỡi dao nhọn, khi bước vào đó, chúng sinh đều bị chảy máu, da thịt tan nát.

Một khu rừng có lá như cây kiếm những ngọn lá kiếm này khi rơi xuống, sẽ cắt đứt tay chân người bị đọa vào đó, và sau đó, sẽ có loài chó gọi là ô-bác tranh nhau ăn hết số tay chân này.

Một khu rừng gai, trong đó gai nhọn mọc dài đến mười sáu ngón tay, khi chúng sinh leo lên cây, thì gai sẽ quay mũi nhọn xuống, khi chúng sinh rơi từ trên xuống, thì gai lại quay mũi nhọn lên. Ngoài ra còn có một loài chim Mỏ sắt tranh nhau mổ mắt của chúng sinh bị đọa vào đó.

Ba nơi khốn khổ này, cùng tạo thành một loại “gia tăng”, vì chúng có chung một loại hình phạt gây ra thương tích.

4. Một con sông nước sôi có tro nóng đun cháy. Hai bên bờ có lính giữ ngục cầm kiếm, giáo và lao để đẩy lui những chúng sinh nào muốn ra khỏi dòng sông này. Ở trong dòng sông, dù chúng sinh có lặn xuống nước hoặc trôi người lên, bơi ngược hay bơi xuôi theo dòng nước, bơi ngang hay vùng vẫy, cũng đều bị nước sôi đun chín, giống như những hạt mè, hạt lúa được trút vào trong một cái chảo lớn đặt trên lửa.

Dòng sông này chảy quanh Đại địa ngục, giống như một cái hào sâu.

Bốn thứ “gia tăng” này, tạo thành mười sáu loại, do sự khác nhau ở các nơi, vì ở bốn cửa ra vào của Đại địa ngục, đều có bốn loại “gia tăng” này.

Hỏi: Tại sao gọi là “gia tăng”?

Đáp: Nói “gia tăng” là để chỉ cho những nơi làm tăng thêm sự khổ sở. Ở bên trong địa ngục, tất cả chúng sinh vốn đã phải chịu nhiều cực hình, nhưng còn phải chịu nhiều cực hình hơn nữa ở những nơi được gọi là “gia tăng” này. Có thuyết cho là sau khi bị giam giữ trong địa ngục, thì chúng sinh lại phải rơi vào những nơi này để chịu khổ thêm nữa, nên gọi là “gia tăng”.

Từ vấn đề này lại nảy sinh một vấn đề khác:

Hỏi: Ở trên có nói đến các “ngục tốt” canh giữ hai bên bờ sông Liệt hà. Vậy thì các “ngục tốt” này, có phải là chúng sinh hữu tình không?

Đáp: Không phải chúng sinh hữu tình.

Hỏi: Nếu vậy tại sao cử động được?

Đáp: Là do nghiệp lực của chúng sinh, cũng giống như loại gió tạo ra khí thể gian (kiếp phong).

Hỏi: Nếu vậy, làm thế nào để giải thích lời nói sau đây của Đại đức Pháp Thiện Hiện: “Những người tâm mang đầu phần hận, thích gây ra nghiệp ác và tội lỗi, vui mừng trước đau khổ của người khác, sẽ tái sinh làm ngục tốt cho Diêm vương”?

Đáp: Diêm ma vương sai các La sát bà có nhiệm vụ ném những chúng sinh bị đọa vào địa ngục theo lệnh của Diêm vương, là hữu tình thật, còn ngục tốt không phải là hữu tình thật, không phải là ở trong địa ngục sát hại chúng sinh

Tuy nhiên có thuyết lại cho ngục tốt là chúng sinh hữu tình.

Hỏi: Nếu vậy, các nghiệp ác mà ngục tốt đã tạo, sẽ chiêu cảm quả

dị thực ở chỗ nào?

Đáp: Chính ở địa ngục. Vì quả dị thực của các tội vô gián đều khởi ở địa ngục. Vậy thì tại sao dị thực của ngục tốt, lại không thể khởi ở đó?

Hỏi: Nhưng tại sao ngục tốt ở ngay trong lửa, mà không bị thiêu cháy?

Đáp: Vì nghiệp lực dẫn khởi sự tái sinh trong lửa và ngăn không cho lửa chạm vào các ngục tốt này, hoặc vì chính loại nghiệp lực này, khiến cho thân của ngục tốt được các đại chủng dị loại tạo thành.

Trên đây là tám loại địa ngục cực nóng. Ngoài ra lại có tám địa ngục khác cực lạnh, đó là Ách-bộ-đà, Ni-thích-bộ-đà, Ách-tích-tra, Hốc-hốc-bà, Hổ-hổ-bà, Ốt-bát-la, Bát-đặc-ma, Ma-ha-bát-đặc-ma. Trong số các địa ngục này, có địa ngục được đặt tên dựa theo tình trạng của chúng sinh bị đọa vào đó, tức những chúng sinh được đặt tên theo tiếng kêu rên của chúng sinh bị thống khổ vì lạnh như Ách tích tra v.v...

Các địa ngục này đều nằm dưới châu Thiệm-bộ và ngang với các địa ngục lớn.

Hỏi: Làm thế nào chỉ ở dưới một châu Thiệm-bộ này, lại có đủ chỗ cho các địa ngục có kích cỡ lớn hơn cả châu này?

Đáp: Các đại lục đều có hình giống như đồng lúa, càng hướng về phía đáy bao nhiêu càng rộng lớn bấy nhiêu. Đại dương cũng không xuyên thẳng quanh các châu lục được.

Mười sáu địa ngục này, đều do nghiệp lực của tất cả chúng sinh tạo thành, có các địa ngục khác, như Cô địa ngục là do nghiệp lực của một người, hai người hoặc nhiều người tạo thành. Chúng có rất nhiều loại và không có chỗ nhất định, có thể ở sông, núi, sa mạc v.v...

Địa điểm chính của các địa ngục đều nằm ở phía dưới. Đối với bàng sinh có ba chỗ là đất, nước và trên không, chỗ chính của chúng là ở đại dương và những con nào đến sau, thì đi đến những chỗ khác.

Vua của loài quỷ có tên là Diêm ma, chỗ ở của Diêm ma vương, và đáy cũng là chỗ chính của loài quỷ, nằm ở độ sâu năm trăm Du-thiện-na, bên dưới châu Thiệm-bộ, có chiều sâu và rộng cũng giống như vậy. Loài quỷ ở các nơi khác, chính là số thặng dư của quỷ ở nơi này và chúng rất khác nhau. Có loại có hình tướng đoan nghiêm đủ mọi oai đức thọ hưởng giàu, vui tự tại như trời. Hoặc có loại hình tướng ốm đói, diện mạo xấu xí... các loại sai khác (Âm Hán), đều có nói rõ trong kinh.

Hỏi: Mặt trời và mặt trăng có kích cỡ v.v... như thế nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Nhật nguyệt Mê lư bán
Ngũ thập nhất ngũ thập
Dạ bán nhật một trung
Nhật xuất tứ châu đẳng
Vũ tế đệ nhị nguyệt
Hậu cửu dạ tiêm tăng
Hàn đệ tứ diệc nhiên
Dạ giảm trú phiên thử
Trú dạ tăng Lạp-phước
Hành nam bắc lộ thời
Cận nhật tự ảnh phú
Cố kiến nguyệt luân khuyết.*

Dịch nghĩa :

*Nhật nguyệt nửa Mê-lô
Năm mười một năm mười
Nửa đêm mặt trời lặn.
Mọc thì giống bốn châu.
Tháng thứ hai mùa mưa.
Đêm thứ chín tăng dần.
Lạnh tháng tư cũng vậy.
Đêm ngắn đổi lại ngày
Ngày đêm một Lạp-phước.
Khi di chuyển Bắc Nam
Gần mặt trời che bóng Thì
thấy mặt trăng khuyết.*

(Mặt trời, mặt trăng cao bằng nửa núi Diêu cao. Rộng năm mươi mốt, năm mươi du-thiện-na. Nửa đêm (ở châu này) là lúc mặt trời lặn hoặc mọc ở châu kia. Cả bốn châu đều như vậy. Từ ngày thứ chín thuộc nửa sau tháng mưa thứ hai, ban đêm dài dần. Cũng từ ngày đó của tháng lạnh thứ tư ban đêm ngắn dần, ban ngày ngược lại với ban đêm. Ngày và đêm đều tăng một Lạp-phước. Khi mặt trời di chuyển về phía Nam hoặc Bắc khi gần mặt trời thì bị bóng che nên thấy mặt trăng khuyết).

Luận: Mặt trời và mặt trăng dựa vào gió. Vì nghiệp lực chung của chúng sinh, mà có gió sinh khởi, để tạo ra giữa không trung mặt trăng, mặt trời và các ngôi sao. Tất cả các thiên thể này đều quay quanh núi Diêu cao giống như bị cuốn theo một giòng nước xoáy.

Hỏi: Mặt trời và mặt trăng cách đây bao xa?

Đáp: Bằng một nửa chiều cao của núi Diêu cao và chuyển dịch ngang tâm với đỉnh núi Trì Song.

Hỏi: Chúng có kích cỡ như thế nào?

Đáp: Mặt tròn của mặt trời là năm mươi mốt du-thiện-na và của mặt trăng là năm mươi du-thiện-na. “Cung điện” nhỏ nhất trong các cung điện của các ngôi sao bằng một câu-lô-xá, (cung điện lớn nhất là mười sáu du-thiện-na).

Vì nghiệp lực của chúng sinh mà ở bên ngoài, phía dưới của cung điện mặt trời, hình thành một mặt tròn bằng đá lửa, phát nhiệt và ánh sáng, và bên ngoài phía dưới của mặt trăng, cũng hình thành một mặt tròn bằng đá nước phát ra hơi lạnh và ánh sáng. Tùy theo từng trường hợp, chúng có chức năng là làm sinh trưởng, tồn tại hoặc hủy diệt mắt, thân, hoa quả, mùa màng, cây cỏ.

Trong thế giới của bốn đại châu, chỉ có một mặt trăng và một mặt trời, tuy nhiên mặt trời không thể tác động đến cả bốn đại châu trong cùng một lúc.

Khi ở châu Bắc-câu-lô là nửa đêm, thì ở châu Đông-thắng-thân mặt trời vừa lặn, và khi ở châu Nam-thiệm-bộ là nửa đêm, thì ở châu Tây-ngưu-hóa mặt trời vừa mọc. Và cứ tiếp tục như vậy.

Vì có sự thay đổi về sự vận hành của mặt trời, mà ngày và đêm có dài ngắn khác nhau.

Ban đêm trở nên dài hơn kể từ ngày thứ chín, thuộc về nửa sau của tháng mưa thứ hai, và trở nên ngắn dần, bắt đầu từ ngày thứ chín, thuộc về nửa sau của tháng lạnh thứ tư. Đối với ngày thì ngược lại, khi ban đêm dài ra, thì ban ngày ngắn lại, và khi ban đêm ngắn lại, thì ban ngày lại dài ra. Sự kiện ban ngày và ban đêm dần dần trở nên dài hơn tùy thuộc vào mặt trời chuyển dịch nghiêng về phía Nam hay phía Bắc của châu Nam-thiệm-bộ.

Hỏi: Tại sao bề mặt của mặt trăng bị khuyết vào thời kỳ đầu của nửa tháng sáng?

Đáp: Luận Thi Thiết viết: “Khi cung điện mặt trăng vận hành sát với cung điện mặt trời, thì bóng của mặt trời in lên cung điện mặt trăng. Vì thế, khi bóng che khuất mặt đối diện, thì mặt sáng sẽ bị khuyết”. Nhưng các luận sư đời trước (Du-già-sư) lại cho là tùy theo cách vận hành của mặt trăng mà xuất hiện khi tròn khi khuyết.

Hỏi: Chúng sinh cư ngụ ở các cung điện mặt trời, mặt trăng và các vì sao thuộc về loại nào?

Đáp: Đó là chúng thiên thuộc hạ của Tứ-đại-vương và chỉ có loại

chúng thiên này, độc cư ở các cung điện ấy, tuy nhiên cũng có một số lớn thuộc hạ của Tứ-đại-vương cư ngụ trên đất liền, ở các tầng cấp của núi Diệu cao và các núi khác.

Hỏi: Có bao nhiêu tầng như thế? Chúng có kích cỡ như thế nào? Và chúng thiên nào cư ngụ ở đó?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Diệu cao tầng hữu tứ
Tương khứ các thập thiên
Bàng xuất thập lục thiên
Bát tứ nhị thiên lượng
Kiên thủ cập Trì mạn
Hằng kiêu, Đại vương chúng
Như thứ cư tứ cấp
Diệc trụ dư thất sơn.*

Dịch nghĩa :

*Diệu cao có bốn tầng
Cách nhau mỗi mười ngàn.
Nhô ra mười sáu ngàn
Hoặc tám, bốn, hai ngàn.
Trời Kiến Thủ, Trì Mạn,
Hằng Kiêu cùng Đại vương...
Lần lượt ở bốn cấp
Và ở bảy núi kia.*

(Núi Diệu cao có bốn tầng cách nhau mười ngàn du-thiện-na nhô ra mười sáu ngàn. Tám ngàn, bốn ngàn, hai ngàn du-thiện-na. Kiến Thủ, Trì Mạn. Hằng Kiêu, và Đại vương chúng thiên lần lượt cư ngụ ở bốn cấp và cũng có ở bảy núi kia).

Luận: Núi Diệu cao có bốn tầng. Tầng thứ nhất nằm cao hơn mặt nước mười ngàn du-thiện-na, tầng thứ hai cao hơn tầng thứ nhất mười ngàn du-thiện-na, và cứ như thế cho đến tầng thứ tư. Các tầng này cao tới lưng chừng núi Diệu cao. Tầng thứ nhất nhô ra từ núi Diệu cao mười sáu ngàn du-thiện-na, các tầng còn lại theo thứ tự trên là tám ngàn, bốn ngàn và hai ngàn du-thiện-na. Tầng thứ nhất là nơi cư ngụ của loài được-xoa, có tên là Kiến Thủ, loài ở tầng thứ hai có tên Trì Mạn, ở tầng thứ ba có tên Hằng Kiêu, tất cả chúng thiên này đều là thuộc hạ của bốn Đại vương. Ở tầng thứ tư là bốn Đại vương và quyến thuộc, tất cả đều được gọi là Tứ-đại-vương chúng thiên.

Giống như thuộc hạ và quyến thuộc của Tứ-đại-vương cư ngụ ở

núi Diệu cao, các thuộc hạ khác cư ngụ ở bảy ngọn kim sơn, cũng có các kinh thành, thị trấn, và đây là loại chúng sinh thuộc cõi thiên, có số lượng đông nhất.

Hỏi: Tam-thập-tam-thiên cư ngụ ở chỗ nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Diệu cao đánh bát vạn
Tam-thập-tam-thiên cư
Tứ giác hữu tứ phong
Kim cang thủ sở trụ
Trung cung danh Thiện kiến
Chu vạn du thiện na
Cao nhất bán kim thành
Tạp sức địa nhu nhuyễn
Trung hữu thù thắng điện
Chu thiên du thiện na
Ngoại tứ uyển trang nghiêm
Chúng xa Thô, Tạp, Hỷ
Diệu trì cư tứ phương
Tương khứ các nhị thập
Đông bắc viên sinh thọ
Tây nam Thiện pháp đường.*

Dịch nghĩa:

*Ngọn Diệu cao tám vạn
Trời ba-mươi-ba ở
Bốn góc bốn chóp núi
Nơi Kim cang thủ ở.
Giữa là cung Thiện Kiến
Rộng vạn du-thiện-na
Cao một nửa Kim thành
Đất mềm trang sức đẹp.
Giữa có điện thù thắng.
Rộng ngàn du-thiện-na
Ngoài có bốn khu vườn:
Chúng xa, Thô, Tạp, Hỷ
Bốn phía có bốn ao
Đều cách nhau hai mươi,
Đông Bắc; cây Viên sinh
Tây-nam: Thiện Pháp Đường.*

(Đỉnh Meru rộng tám mươi ngàn du-thiện-na là nơi cư ngụ của Tam-thập-tam-thiên. Bốn góc có bốn chỏm núi là chỗ ở của Kim Cang Thủ. Ở giữa là kinh thành Thiện Kiến. Chu vi mười ngàn du-thiện-na. Cao một phẩy năm du-thiện-na, làm bằng vàng, có nhiều màu sắc, mặt đất mềm mại. Bên trong là điện Thù thắng. Chu vi một ngàn du-thiện-na. Bên ngoài thành có bốn khu vườn tô điểm là Chúng xa, Thô ác, Tạt lâm và Hỷ lâm. Bốn phía là các Diệu trì cách nhau hai mươi du-thiện-na. Phía Đông-bắc có cây Viên Sinh. Phía Tây-nam có giảng đường Thiện Pháp).

Luận: Tam-thập-tam-thiên cư ngụ trên đỉnh núi Diệu cao. Các mặt của đỉnh núi này, dài tám mươi ngàn du-thiện-na. Có luận sư nói, mỗi mặt chỉ dài hai mươi ngàn và chu vi là tám mươi ngàn.

Ở bốn góc, có bốn chỏm núi, cao và rộng năm trăm du-thiện-na, là nơi ở của loài Dược-xoa có tên Kim Cang Thủ.

Ở giữa núi Diệu cao là kinh thành bằng vàng của Thiên Đế thích đứng đầu cõi thiên, có tên là Thiện kiến. Các cạnh của thành này dài hai ngàn năm trăm du-thiện-na, chu vi là mười ngàn, cao một phẩy năm. Kinh thành cũng như mặt đất đều được trang sức bằng một trăm lẻ một loại màu sắc. Mặt đất mềm mại giống như lá của một loại cây bông và có thể co giãn theo bước chân đi.

Ở giữa kinh thành là cung điện của Thiên đế thích. Cung điện này có tên là Thù Thắng, vì sự lộng lẫy và các thứ châu báu ở đó, tỏa sáng đến cả các chỗ ở khác của chúng thiên. Cung điện có các cạnh dài hai trăm năm mươi du-thiện-na, tức chu vi là một ngàn. Trên đây là tất cả các vẻ khả ái của kinh thành.

Điểm tô bên ngoài kinh thành có bốn khu vườn, làm nơi dạo chơi của chúng thiên, đó là Chúng xa, Thô ác, Tạt lâm, và Hỷ lâm.

Ở bốn phía, cách xa các khu vườn này hai mươi du-thiện-na, cũng là bốn nơi dạo chơi khác của chư thiên. Đất đai ở nơi này mỹ diệu, làm say đắm chúng thiên và thường khiến cho họ tranh giành nhau.

Một loại cây mọc ở phía Đông-bắc ngoại thành, có tên là Viên Sinh thọ, là nơi thọ hưởng dục lạc của Tam-thập-tam-thiên. Rễ loại cây này lan ra đến năm mươi du-thiện-na, thân cao một trăm du-thiện-na, cành, lá và cánh hoa bao phủ năm mươi du-thiện-na. Cây có mùi hương tỏa theo chiều gió lan xa đến một trăm, nếu ngược chiều gió thì xa đến năm mươi.

Hỏi: Mùi hương có thể tỏa theo chiều gió một trăm du-thiện-na, nhưng làm thế nào có thể tỏa ngược chiều gió?

Đáp: Có luận sư cho khi nói tỏa ngược theo chiều gió năm mươi du-thiện-na là hàm ý mùi hương này không vượt quá giới hạn của tầng cây (vốn rộng đến năm mươi du-thiện-na). Tuy nhiên giải thích trên không hợp lý, vì kinh văn đã nói mùi hương tỏa ngược theo chiều gió. Do đó chúng ta có thể nói: Mùi hương không “bay” ngược lại làn gió, vì nó bị diệt ngay nơi nó vừa sinh, mà chỉ vì mùi hương này, có đặc điểm là có thể sinh khởi một chuỗi tương tục các mùi hương giống nhau, dù có bị làn gió nhẹ của cõi thiên cản trở! Tuy nhiên sau đó, mùi hương dần dần trở nên yếu đi, cho đến khi dứt hẳn mà không bay xa được, như khi thuận theo chiều gió.

Hỏi: Có phải chuỗi tương tục các mùi hương này có chỗ dựa là các đại chủng tạo thành mùi hương? Hay đó là gió chuyển thành mùi hương? (Tức gió đã sinh ra một mùi hương mới và mùi hương này không còn là mùi hương của hoa, cũng giống như những hạt mè thấm nhiễm mùi hương của hoa).

Đáp: Điều này chưa thể xác định được. Tuy nhiên Đức Thế Tôn có nói: “Mùi hương của hoa không thể đi ngược lại chiều gió, nhưng mùi hương của công đức, thì có thể bay ngược lại chiều gió, và của bậc thiện sĩ thì bay khắp các phương”.

Hỏi: Như vậy, chủ trương mùi hương “bay ngược lại chiều gió”, làm sao có thể phù hợp với lời dạy trên?

Đáp: Đức Thế Tôn dạy như vậy, là có ý chỉ cho mùi hương của thế gian, vì ai cũng biết mùi hương không thể bay ngược lại chiều gió!

Hóa địa bộ nói: Mùi hương (của hoa Viên Sinh) nếu thuận theo chiều gió, có thể tỏa xa được một trăm du-thiện-na, và nếu không có gió thì tỏa xa năm mươi du-thiện-na.

Ở phía Tây-nam có Thiện Pháp Đường, là nơi chúng thiên tụ hội, để xét xem các việc tốt cũng như xấu mà chúng sinh đã làm.

Trên đây là sự bài trí thế giới cư ngụ của Tam-thập-tam-thiên, tiếp theo là phần nói về thế giới cư trú của chúng thiên hữu sắc khác.

Tụng: (Âm Hán)

Thử thượng hữu sắc thiên

Trụ y không cung điện.

Dịch nghĩa:

Trên có trời Hữu sắc

Cung điện ở trên không.

(Ở phía trên là chúng thiên hữu sắc sống trong các cung điện ở không trung).

Luận: Chúng thiên cao hơn Tam-thập-tam-thiên, cư trú ở các “cung điện giữa không trung”. Chúng thiên này là Dạ-ma thiên, Đổ-sử-đa-thiên, Lạc biến hóa thiên, Tha-hóa-tự-tại-thiên, cộng thêm chúng thiên thuộc cõi Sắc, tức mười sáu bộ chúng thiên, bắt đầu từ Phạm-chúng-thiên. Như vậy, có tất cả hai mươi hai loại chúng thiên ở khí thế gian và cư trú ở các nơi nhất định nói trên.

Tụng: (Âm Hán)

Lục thọ dục giao bão
Chấp thủ tiểu thị dâm.

Dịch nghĩa:

*Ôm nhau thụ dục lạc
Nắm tay, cười nhìn dâm.*

(Sáu loại chúng thiên hưởng dục, giao hợp, ôm nhau. Nắm tay, cười và nhìn nhau mà thành dâm).

Luận: Chúng thiên thuộc Tứ-đại-vương, Tam-thập-tam-thiên, Dạ-ma-thiên, Đổ-sử-đa thiên, Lạc-biến-hóa-thiên và Tha-hóa-tự-tại-thiên, đều thuộc về cõi Dục. Chúng thiên cao hơn không thuộc về cõi Dục.

Chúng thiên thuộc Tứ-đại-vương và Tam-thập-tam-thiên cư ngụ ở trên đất cứng, vì thế cũng có giao hợp giống như người thường, tuy nhiên họ chỉ làm dịu lửa dục bằng cách tiết ra phong khí, chứ không phải tinh khí, Dạ-ma thiên làm dịu lửa dục bằng cách ôm nhau, Đổ-sử-đa thiên thì nắm tay nhau, Lạc biến hóa thiên thì cười với nhau, và Tha-hóa-tự-tại-thiên thì chỉ nhìn nhau. Trên đây là giải thích của Luận Thi Thiết.

Theo Tỳ-bà-sa, những giải thích trên của Luận Thi Thiết về các trường hợp ôm nhau, nắm tay nhau v.v... không phải để chỉ cho các cách thế giao hợp, vì loại chúng thiên này, vốn chỉ giao hợp giống như người thường, mà để chỉ cho khoảng thời gian khác biệt của hành động. Dục lạc ở cõi trời càng cao thì càng thù diệu, tâm tham dục chuyển biến càng nhanh. Cho nên mới có các tướng trạng thọ dục từ thô đến tế như vậy.

Nếu có đồng nam đồng nữ nào, ngồi trên đầu gối của một chúng sinh ở cõi thiên, thì đó chính là con cái của chúng sinh này, vì tất cả chúng thiên đều thuộc loại hóa sinh.

Tụng nêu: (Âm Hán)

*Sơ như ngũ chí thập
Sắc viên mãn hữu y.*

Dịch nghĩa:

*Sơ sinh năm, mười tuổi
Đầy đủ cả áo xông.*

(Chúng thiên sơ sinh, giống như trẻ em từ năm đến mười tuổi ở cõi Sắc thì đã phát triển đầy đủ và có áo quần).

Luận: Chư Thiên thuộc sáu trời cõi Dục khi mới sinh ra, trông giống như một đứa bé lên năm, sáu, bảy, tám, chín hoặc mười tuổi, tùy theo thứ tự của sáu cõi này, nhưng sau đó thì phát triển rất nhanh.

Chư thiên thuộc cõi Sắc khi mới sinh ra, thân hình đã phát triển đầy đủ và đều có sẵn áo quần.

Tất cả chúng thiên đều sử dụng ngôn ngữ của Thánh.

Hỏi: Làm thế nào biết được sự khác nhau giữa dục sinh và lạc sinh?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Dục sinh tam nhân thiên
Lạc sinh tam cửu xứ.*

Dịch nghĩa:

*Dục sinh: ba. Người, trời
Lạc sinh: ba chín chỗ*

(Ba loại dục sinh gồm người và trời. Ba loại lạc sinh gồm chín địa của ba tầng thiên).

Luận: Ở cõi Dục có những chúng sinh sử dụng tùy thích các cảnh dục lạc đang hiện khởi đối với họ. Đó là những chúng sinh thuộc về cõi người và chúng thiên thuộc bốn cõi đầu trong sáu trời cõi Dục.

Có những chúng sinh sử dụng tùy thích các cảnh dục lạc do chính bản thân họ tạo ra. Đó là chúng sinh ở cõi Lạc-biến-hóa-thiên.

Lại có những chúng sinh sử dụng tùy thích các cảnh dục lạc do người khác tạo ra. Đó là chúng sinh ở cõi Tha-hóa-tự-tại-thiên.

Loại thứ nhất, thọ hưởng các cảnh dục lạc xuất hiện trước mắt họ, loại thứ hai, thọ hưởng các cảnh dục lạc mà họ đã mong muốn tạo ra, loại thứ ba, thọ hưởng các cảnh dục lạc do kẻ khác mong muốn tạo ra. Đây là ba loại “sinh khởi” hay “tồn tại của dục” (dục sinh) ở cõi Dục.

Ở cõi Sắc có chín địa thuộc ba tầng thiên, đầu tiên là ba loại “sinh khởi của lạc” (lạc sinh). Chư thiên ở ba tầng này, trong những thời gian dài, bản thân đã trải qua trong hoan lạc nhờ vào sự an lạc, phát sinh từ sự lìa bỏ phiền não (ly sinh lạc), nhờ vào sự an lạc có bao hàm niềm vui (hỷ lạc) phát sinh từ thiên định (định sinh), và nhờ vào sự an lạc đã xả bỏ niềm vui (ly hỷ lạc). Các sự sinh khởi này, nhờ không có khổ và nhờ sự kéo dài của chúng, nên đã trở thành ba loại “lạc sinh”.

Ở tĩnh lự trung gian không có hỷ lạc, nhưng tại sao vẫn gọi là lạc sinh thiên? Đây là điểm cần phải bàn đến.

Hỏi: Hai mươi hai cõi trời nói đến ở trên, từ cõi trời của Tứ-đại-vương cho đến cõi cao nhất của cõi Sắc, nằm ở những độ cao nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Như bĩ khí hạ lượng
Khứ thượng số diệt nhiên.*

Dịch nghĩa:

*Xuống cõi dưới bao xa,
Lên cõi trên cũng thế.*

(Từ một cõi khi đi xuống phải mất bao nhiêu thì khi đi lên (một cõi ở trên) cũng như vậy).

Luận: Thật không dễ dàng tính được độ cao bằng du-thiện-na của các cõi này. Tuy nhiên, có thể đơn cử trường hợp phải trải qua một khoảng cách bao nhiêu, khi từ một cõi trời nào đó đi xuống bên dưới, để suy ra khoảng cách khi từ cõi đó đi lên một cõi khác ở trên. Nói cách khác, một cõi trời nằm ở bên trên châu Nam-thiệm-bộ chừng nào, thì nó nằm ở bên dưới cõi trên nó chừng đó! Chẳng hạn như tầng thứ tư của Tứ-đại-vương, tức chỗ ở của bốn vị thiên vương này, nằm ở bên trên mặt biển bốn mươi ngàn du-thiện-na, như vậy từ cõi trời này đi xuống đây bao xa thì khi đi lên đến cõi Tam-thập-tam-thiên cũng như vậy (vì đỉnh núi Diêu cao cách xa, mặt biển tám mươi ngàn du-thiện-na). Từ cõi Tam-thập-tam-thiên đi xuống mặt biển, phải trải qua bao nhiêu du-thiện-na, thì từ đó đi lên cõi Dạ-ma-thiên cũng như vậy. Và cứ tiếp tục như thế: Sắc-cửu-cánh-thiên nằm ở phía trên Thiện-kiến-thiên bao nhiêu, thì Thiện-kiến-thiên nằm ở phía trên châu Nam-thiệm-bộ cũng bấy nhiêu.

Bên trên Sắc-cửu-cánh-thiên không còn một nơi cư ngụ nào nữa. Vì chỗ này cao hơn tất cả các chỗ còn lại và không có chỗ nào khác cao hơn chỗ này nên mới có tên là Sắc-cửu-cánh-thiên. Có luận sư cho là cõi này có tên là Ngại-cửu-cánh-thiên, vì có nghĩa là “sắc được tích tụ” (tích tập sắc), và cõi này là giới hạn cuối cùng của loại sắc này.

Hỏi: Chúng sinh sinh ở một cõi thấp hơn, có thể đi lên một cung điện cao hơn và nhìn thấy các chúng sinh ở đó không?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Ly thông lực y tha
Hạ vô thăng kiến thượng.*

Dịch nghĩa:

*Không thần thông trợ giúp,
Có dưới không thấy trên.*

(Nếu không có thần thông hoặc sự giúp đỡ của kẻ khác, chúng sinh cõi dưới không thể nhìn thấy cõi trên).

Luận: Khi có được thần thông, hoặc khi được hỗ trợ vì một chúng sinh có thần thông, hoặc vì một chúng sinh ở cõi Dạ-ma-thiên, thì chúng sinh cõi Tam-thập-tam-thiên có thể đi đến cõi Dạ-ma-thiên.

Một chúng sinh sinh ra ở một chỗ ở thấp hơn, có thể nhìn thấy chúng sinh ở một chỗ ở cao hơn và có thể đi đến chỗ ở cao hơn này, tuy nhiên trường hợp này không thể xảy ra, nếu chúng sinh này thuộc về một cõi hoặc một địa cao hơn. Cũng giống như trường hợp không thể cảm nhận các xúc chạm (thuộc một cõi hoặc một địa cao hơn), vì loại xúc chạm này, không ở cùng cảnh giới (của một căn thấp hơn). Chính vì lý do này mà các chúng sinh thuộc một cõi hoặc một địa cao hơn, không thể tự thân đi xuống các giới, các địa thấp hơn, mà phải dùng đến loại hóa thân của các cõi, các địa nơi chúng sinh này muốn đến.

Có bộ phái khác cho chúng sinh ở một địa thấp hơn, vẫn có thể nhìn thấy một chúng sinh ở địa, cao hơn, giống như nhìn thấy các chúng sinh khác cùng địa nếu như chúng sinh ở địa cao hơn, có ý muốn để cho các chúng sinh này nhìn thấy.

Hỏi: Cung điện của Dạ-ma-thiên và của các cõi thiên khác, có kích cỡ như thế nào?

Đáp: Có luận sư cho cung điện của bốn cõi trời phía trên, trong số sáu cõi trời thuộc cõi Dục có kích cỡ bằng đỉnh núi Diệu cao. Có luận sư cho các cung điện ở cõi cao hơn, thì lớn gấp đôi các cung điện ở cõi thấp hơn. Có luận sư lại cho kích cỡ của tầng thiên thứ nhất bằng bốn đại châu, tầng thiên thứ hai bằng một tiểu thiên thế giới, tầng thứ ba bằng một trung thiên thế giới, và tầng thứ tư bằng một đại thiên thế giới. Có luận sư lại nói, ba tầng thiên đầu tiên, theo thứ tự này, tương đương với một tiểu thiên, một trung thiên, và một đại thiên thế giới, trong khi tầng thiên thứ tư thì không thể đo lường được!

Hỏi: Tiểu thiên, trung thiên, và đại thiên thế giới là gì?

Tụng đáp: (Âm Hán)

Tứ đại châu nhật nguyệt

Tô mê lư Dục thiên

Phạm thế các nhất thiên

Danh nhất tiểu thế giới

Thử tiểu thiên thiên bội

*Thuyết danh nhất trung thiên
Thử thiên bội đại thiên
Giai đồng nhất thành hoại.*

Dịch nghĩa:

*Nhật nguyệt bốn đại châu,
Tô-mê-lô, Dục thiên,
Phạm thế đều một ngàn,
Làm tiểu thiên thế giới.
Một ngàn tiểu thiên này
Làm trung thiên thế giới.
Ngàn trung thiên: Đại thiên.
Thành hoại đều như nhau.*

(Bốn đại châu, mặt trời, mặt trăng núi Diệu cao, các trời cõi Dục Phạm-thế, một ngàn lần của mỗi loại trên hợp thành một tiểu thiên thế giới. Một ngàn lần tiểu thiên thế giới làm thành một trung thiên thế giới. Một ngàn lần trung thiên là một đại thiên thế giới. Thời gian hủy diệt và tạo thành đều bằng nhau).

Luận: Một tiểu thiên thế giới gồm một ngàn châu nam-thiệm-bộ, một ngàn châu Đông-thắng-thân, một ngàn châu Tây-Ngưu-hóa, một ngàn châu Bắc-câu-lô, một ngàn mặt trăng, một ngàn mặt trời, một ngàn núi Tô-mê-lô, một ngàn mỗi cõi thiên thuộc cõi Dục, và một ngàn mỗi thế giới của Phạm thiên. Một ngàn tiểu thiên thế giới tạo thành một trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới tạo thành một đại thiên thế giới.

Thời gian bị hoại diệt và thời gian tạo thành đều bằng nhau.

Hỏi: Các thế giới này khác nhau, nhưng chúng sinh ở các thế giới này có khác nhau không?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Thiệm bộ châu nhân lượng
Tam trửu bán tứ trửu
Đông tây bắc châu nhân
Bội bội tăng như thứ
Dục thiên Câu lư xá
Tứ phần nhất nhất tăng
Sắc thiên du thiện na
Sơ tứ tăng bán bán
Thử thượng tăng bội bội
Duy Vô vân giảm tam.*

Dịch nghĩa:

*Người ở Châu Thiệm-bộ
Ba rưỡi bốn khuỷu tay,
Người Châu Đông, Tây, Bắc,
Cứ dần tăng gấp đôi.
Trời cõi Dục thì tăng
Phần tư Câu-lô-xá
Bốn cõi Sắc đầu tiên
Tăng nửa du-thiện-na
Sau đó tăng gấp đôi.
Trời Vô vân giảm ba.*

(Người ở châu Nam-thiệm-bộ cao bốn hoặc ba khuỷu tay rưỡi. Người ở các châu Đông, Tây, và Bắc gấp đôi dần lên. Chúng thiên cõi Dục cao một phần tư cho đến một phẩy năm câu-lô-xá. Chúng thiên Sắc giới bốn cõi đầu tăng dần một nửa sau đó tăng gấp đôi. Vô vân thiên giảm ba).

Luận: Người ở châu Nam-thiệm-bộ phần lớn đều cao khoảng ba khuỷu tay rưỡi có khi bốn khuỷu tay. Người châu Đông-thắng-thân, Tây Ngưu-hóa, và Bắc-câu-lô, theo thứ tự này, cao khoảng tám, mười sáu, và ba mươi hai khuỷu tay. Chúng thiên Tứ-đại-vương cao một phần tư Câu-lô-xá chúng thiên ở các cõi khác của cõi Dục lần lượt tăng thêm một phần tư, tức Tam-thập-tam-thiên cao một nửa Câu-lô-xá, Dạ-ma thiên cao ba phần tư Câu-lô-xá, Đổ-sử-đa thiên cao một Câu-lô-xá, Lạc biến hóa thiên cao một Câu-lô-xá và một phần tư, Tha-hóa-tự-tại-thiên cao một phẩy năm Câu-lô-xá.

Phạm-chúng-thiên, tức chúng thiên đầu tiên của cõi Sắc, cao một nửa yojana, Phạm-phụ-thiên cao một yojana, Đại-phạm-thiên cao một phẩy năm yojana, Thiểu-quang-thiên cao hai du-thiện-na.

Bên trên Thiểu-quang-thiên, đều lần lượt tăng gấp đôi: Vô-lượng-quang-thiên cao bốn du-thiện-na, Cực-quang-tịnh-thiên cao tám du-thiện-na, và cứ như vậy cho đến Biến-tịnh-thiên cao sáu mươi bốn du-thiện-na. Vô-vân-thiên cũng gấp đôi số này, nhưng lại giảm bớt ba, tức chỉ còn một trăm hai mươi lăm du-thiện-na, và cứ tiếp tục nhân đôi như thế, từ Phước-sinh-thiên là hai trăm năm mươi, cho đến Sắc-cứu-cánh-thiên là mười sáu ngàn.

Thọ lượng của chúng sinh ở các cõi này cũng khác nhau.

Tụng nêu: (Âm Hán)

Bắc châu định thiên niên

Tây đông bán bán giảm
Thử châu thọ bất định
Hậu thập sơ phả lượng
Nhân gian ngũ thập niên
Hạ thiên nhất trú dạ
Thừa tư thọ ngũ bách
Thượng ngũ bội bội tăng
Sắc vô trú dạ thù
Kiếp số đẳng thân lượng
Vô sắc sơ nhị vạn
Hậu hậu nhị nhị tăng
Thiếu quang thượng hạ thiên
Đại toàn bán vi kiếp.

Dịch nghĩa:

Châu Bắc một ngàn tuổi
Tây- Đông- Nam nửa nửa
Tuổi thọ không nhất định
Cuối mười đầu khó biết
Cõi người năm mươi năm,
Trời dưới một ngày đêm.
Cõi này thọ năm trăm.
Năm cõi trên gấp đôi
Cõi Sắc không ngày đêm.
Kiếp số bằng thân lượng.
Vô sắc đầu hai vạn,
Sau tăng hai, tăng hai.
Trên, dưới trời Thiếu Quang
Một kiếp: nửa đại kiếp.

(Bắc châu một ngàn năm. Tây, Đông giảm dần một nửa. Châu này (Nam) không nhất định. Về cuối là mười năm, ở đầu khó biết được. Năm mươi năm nhân gian bằng một ngày đêm ở cõi thiên thấp nhất của cõi Dục, cõi này sống năm trăm năm. Năm cõi trên, ngày và thọ lượng gấp đôi. Cõi Sắc không có ngày đêm. Kiếp số bằng thân lượng. Cõi Vô sắc, cõi đầu là hai vạn sau đó cứ tăng dần với số này. Trên dưới Thiếu-quang-thiên là một, một nửa đại kiếp).

Luận: Thọ lượng ở châu Bắc-câu-lô là một ngàn năm, ở châu Tây-ngư-hóa là năm trăm năm, ở châu Đông-thắng-thân là hai trăm năm mười năm.

Thọ lượng ở châu Nam-thiệm-bộ không nhất định, khi dài khi ngắn. Ở cuối kiếp, thọ lượng ngắn nhất là mười năm, nhưng ở đầu kiếp thì không tính được: không thể đếm bằng các số trăm, ngàn v.v...

Về chư thiên cõi Dục, thọ lượng của họ được tính bằng cách dựa vào thời lượng của ngày.

Năm mươi năm ở nhân gian, tạo thành một ngày ở cõi Tứ-đại-vương, thọ lượng ở cõi này là năm trăm năm, một năm gồm mười hai tháng, một tháng có ba mươi ngày. Ở Tam-thập-tam-thiên, một ngày bằng một trăm năm nhân gian, thọ lượng của họ là một ngàn năm. Ở Dạ-ma thiên, một ngày bằng hai trăm năm nhân gian, thọ lượng của họ là hai ngàn năm, và cứ tiếp tục như vậy.

Hỏi: Từ núi Trì Song trở lên, không có mặt trời mặt trăng, thì làm thế nào định được ngày đêm của các cõi này và làm thế nào chư thiên có được ánh sáng?

Đáp: Dựa vào hoa nở và khép để định ngày đêm, cũng giống như chúng ta dựa vào hoa sen trắng (câu-vật-đà) và hoa sen đỏ (bát-đặc-ma), hoặc có nơi lại dựa vào chim hót hay lặng thinh, hoặc khi ngủ hay thức. Về ánh sáng thì tự thân chư thiên đều có thể phát ra ánh sáng.

Ở Sắc giới chư thiên nào có thân cao một nửa yojana - như Phạm-chúng-thiên thì thọ lượng là một nửa kiếp, và cứ tiếp tục như vậy, cho đến chúng thiên ở Vô vân thiên, có thân cao mười sáu ngàn du-thiện-na, cho nên cũng có thọ lượng là mười sáu ngàn kiếp.

Ở Không-vô-biên-xứ, thọ lượng là hai mươi ngàn kiếp, ở Thức-vô-biên-xứ là bốn mươi ngàn kiếp, ở Vô-sở-hữu-xứ là sáu mươi ngàn kiếp, và ở Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ hoặc Hữu đảnh là tám mươi ngàn kiếp.

Hỏi: Ở đây “kiếp” có nghĩa là gì? Đó là nội kiếp (trung kiếp), hoại kiếp, thành kiếp, hay đại kiếp?

Đáp: Từ Thiểu-quang-thiên (tức chúng thiên cõi dưới của tầng thiên thứ hai) trở lên là đại kiếp, trở xuống (tức Phạm-chúng-thiên, Phạm-phụ-thiên và Đại-phạm-thiên) là nửa đại kiếp. Do vì phải mất hai mươi trung kiếp để lập thành thế giới (trong đó Đại-phạm-thiên xuất hiện ngay từ đầu), hai mươi trung kiếp để thế giới tồn tại, và hai mươi trung kiếp để thế giới hủy hoại (trong đó Đại-phạm-thiên cũng là cõi bị hoại cuối cùng). Như vậy thọ lượng của Đại-phạm-thiên là sáu mươi trung kiếp ở giữa, sáu mươi trung kiếp này, tạo thành một kiếp rưỡi, vì một nửa đại kiếp (tức bốn mươi kiếp ở giữa) được xem như là một kiếp.

Hỏi: Thọ lượng ở các nẻo ác như thế nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Đẳng hoạt đẳng thượng lục
Như thứ dĩ Dục thiên
Thọ vi nhất trú dạ
Thọ lượng diệc đồng bỉ
Cực nhiệt bán trung kiếp
Vô gián trung kiếp toàn
Bàng sinh cực nhất trung
Quỷ nguyệt nhật ngũ bách
Ách bộ đà thọ lượng
Như nhất Bà ha ma
Bách niên trừ nhất tận
Hậu hậu bội nhị thập.*

Dịch nghĩa:

*Sáu Đẳng Hoạt ở trên
Lấy tuổi thọ Dục thiên
Làm một ngày một đêm
Thọ lượng cũng như vậy
Cực Nhiệt nửa trung kiếp
Vô gián một trung kiếp
Bàng sinh một trung kiếp
Quỷ ngày tháng năm trăm.
Thọ lượng Ách-bộ-đà
Bằng một Bà-ha-ma.
Cứ trăm năm đến hết.
Sau gấp hai mươi lần.*

(Sáu địa ngục Đẳng hoạt v.v... ở trên lần lượt lấy thọ lượng của Lục Dục thiên làm một ngày đêm. Về thọ lượng cũng như vậy. Ở Cực nhiệt là một nửa trung kiếp. Ở Vô gián là một trung kiếp. Bàng sinh, nhiều nhất là một trung kiếp. Quỷ là năm trăm năm, có ngày dài bằng một tháng. Thọ lượng ở Ách-bộ-đà như mè ở trong thúng. Cứ một trăm năm lại lấy đi một hạt cho đến khi hết. Các địa ngục còn lại gấp hai mươi lần).

Luận: Một ngày ở sáu địa ngục Đẳng-hoạt, Hắc-thằng, Chúng hợp, Hào-khiếu, Đại-khiếu, Viêm-nhiệt, theo thứ tự này tương đương với thọ lượng của chúng thiên ở sáu cõi trời thuộc cõi Dục là Tứ-đại-vương v.v...

Chúng sinh bị đọa vào địa ngục Đẳng-hoạt có thọ lượng giống như chúng thiên Tứ-đại-vương là năm trăm năm, một năm có mười hai tháng, một tháng có ba mươi ngày, tuy nhiên mỗi ngày ở đây, đều dài bằng thọ lượng của chúng thiên Tứ-đại-vương. Sự so sánh giữa địa ngục Hắc-thằng với Tam-thập-tam-thiên, giữa địa ngục Viêm-nhiệt và Tha-hóa-tứ-tại-thiên cũng theo cách như vậy.

Ở địa ngục Đại-nhiệt thọ lượng là một nửa trung kiếp, ở Vô gián là một trung kiếp.

Bàng sinh sống lâu nhất là một trung kiếp, đây là trường hợp của các Đại long vương như Nan-đà (v.v... Đức Thế Tôn nói: “Có tám Đại long vương sống lâu đến một kiếp và trì giữ đại địa...”).

Một ngày của quỷ bằng một tháng nhân gian và chúng sống được năm trăm năm, với mỗi ngày trong năm đều dài bằng một tháng nhân gian.

Về thọ lượng ở các địa ngục cực lạnh, Đức Thế Tôn chỉ đưa ra tỉ dụ để so sánh: “Nếu một cái thúng của nước Ma-yết-đà dùng để đựng mè, có dung lượng tám mươi khư-lê đổ đầy mè trong đó và cứ một trăm năm, lại lấy ra bớt một hạt, thì đến khi lấy hết số mè này ra khỏi thúng, mà thọ lượng của chúng sinh bị đọa vào địa ngục Ách-bộ-đà) vẫn chưa tận. Thọ lượng ở địa ngục này lại tăng gấp hai mươi lần rồi sau cứ tăng gấp hai mươi lần như vậy là thọ lượng của tám địa ngục lạnh.

Hỏi: Tất cả chúng sinh có số thọ lượng vừa được nói đến ở trên có sống hết thọ lượng này không?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Chư xứ hữu trung yếu
Trừ Bắc Câu lư châu.*

Dịch nghĩa:

*Các xứ có trung yếu
Trừ Châu Bắc Câu-lô.*

Các xứ đều có trung yếu. Ngoại trừ châu Bắc-câu-lư).

Luận: Thọ lượng của loài người ở châu Bắc-câu-lô rất ổn định, họ sống đến một ngàn tuổi và đều sống hết thọ lượng của mình. Trong khi đó, ở những nơi khác vẫn có trường hợp bị chết nửa chừng (trung yếu). Tuy nhiên vẫn có hữu tình không bị trung yếu, đó là trường hợp của Bồ-tát ở Đổ-sử-đa thiên, chỉ còn trải qua một lần sinh, những người ở vào lần sinh cuối cùng, (tức họ sẽ không chết trước khi được quả vị A-la-hán), những người được Phật thọ ký, những người được Phật cử làm sứ giả, Tùy tín hành giả, Tùy pháp hành giả, người mẹ đang mang

thai một vị Bồ-tát hoặc Luân vương v.v... Đó là các trường hợp không thể chết yếu được.

